

**Phụ lục I/Appendix I**  
**THÔNG BÁO THAY ĐỔI NHÂN SỰ/CHANGE IN PERSONNEL**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Tổng Giám đốc Sở GD&ĐT  
Việt Nam)  
(Issued with the Decision No. 21/QĐ-SGDVN on 21<sup>st</sup> December 2021 of the CEO of Vietnam  
Exchange on the Information Disclosure Regulation of Vietnam Exchange)

**Tổng công ty cổ phần Xuất nhập  
khẩu và Xây dựng Việt Nam**  
**VINACONEX JSC.**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom - Happiness**

Hà Nội, ngày 24 tháng 11 năm 2025  
Hanoi, November 24, 2025

Số: ...~~4309~~.../2025/CV-PC  
No.: ...../2025/CV-PC

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI NHÂN SỰ**  
**CHANGE IN PERSONNEL**  
(Mẫu dùng cho các trường hợp bổ nhiệm và/hoặc miễn nhiệm/từ nhiệm  
Applied to cases of appointment and/or dismissal/resignation)

**Kính gửi:**       - Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam  
                      - Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh  
**To:**               - *Vietnam Exchange*  
                      - *Hochiminh Stock Exchange*

Căn cứ Quyết định số 2568/2025/QĐ-HĐQT ngày 24/11/2025 của Hội đồng quản trị Tổng công ty, chúng tôi trân trọng thông báo việc thay đổi nhân sự của Tổng công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (VINACONEX) như sau:

*Based on Decision No. 2568/2025/QĐ-HĐQT dated 24/11/2025 of the Board of Directors of the Corporation, we respectfully announce the personnel change of Vietnam Construction and Import-Export Joint Stock Corporation (VINACONEX) as follows:*

**Trường hợp bổ nhiệm/In case of appointment (\*):**

1. Bà /Mrs.: Nguyễn Thị Quỳnh Trang

- Chức vụ trước khi bổ nhiệm/Former position in the organization: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính/Deputy General Director and Chief Financial Officer.

- Chức vụ được bổ nhiệm/Newly appointed position: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính (bổ nhiệm lại)/Deputy General Director and Chief Financial Officer (re-appointment).

- Thời hạn bổ nhiệm/Term: 05 năm, kể từ ngày 24/11/2025/05 years, from November 24, 2025.

- Ngày bắt đầu có hiệu lực/Effective date: 24/11/2025.



Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 24/11/2025 tại đường dẫn <https://vinaconex.com.vn/quan-he-co-dong/thong-tin-chung/> This information was published on the company's website on November 24, 2025 as in the link <https://vinaconex.com.vn/quan-he-co-dong/thong-tin-chung/>.

**Tài liệu đính kèm/Attached documents:**

- Quyết định số 2568/2025/QĐ-HĐQT của Hội đồng quản trị Tổng công ty/ Decision No. 2568/2025/QĐ-HĐQT of the Board of Directors of the Corporation;
- Bản cung cấp thông tin người nội bộ (Phụ lục III); Curriculum vitae (Appendix III).

**Đại diện tổ chức/Organization representative**  
Người được UQ CBTT/Person authorized to disclose information



**Vũ Mạnh Hùng**  
**Giám đốc Ban Đối ngoại – Pháp chế**  
**Director of Legal & Foreign affairs**



**QUYẾT ĐỊNH**  
**CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX**

V/v: *Bổ nhiệm lại chức vụ Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính  
đối với bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang.*

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX**

- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Tổng công ty CP VINACONEX.
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty CP VINACONEX ban hành kèm theo Quyết định số 619/2023/QĐ-HĐQT ngày 14/4/2023 của Hội đồng quản trị Tổng công ty.
- Xét đề nghị của Tổng giám đốc Tổng công ty tại Tờ trình số 4275/2025/TTr-PTNL ngày 21/11/2025 về việc bổ nhiệm lại chức vụ Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính đối với bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang.
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu biểu quyết số 4298/2025/BB-TKTH ngày 24/11/2025 của các thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty.

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Bổ nhiệm lại bà **Nguyễn Thị Quỳnh Trang** – Thạc sỹ Kinh tế, Cử nhân Kinh tế ngành Kế toán, giữ chức vụ: Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính Tổng công ty.

Thời hạn bổ nhiệm: **05 năm kể từ ngày 24/11/2025.**

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 24/11/2025.

Các Ông/Bà: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Ban Phát triển Nhân lực, các phòng/ban, đơn vị Tổng công ty có liên quan và bà **Nguyễn Thị Quỳnh Trang** chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- HĐTV, Ban Kiểm soát (để biết);
- Ban PTNL;
- Lưu: VP, TKTH.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**

  
**Nguyễn Hữu Tới**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM/  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom – Happiness**

-----

*Hà Nội, ngày 24 tháng 11 năm 2025/ Hanoi, day 24 month 11 year 2025*

**BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN/ CIRRICULLUM VITAE**

Kính gửi:                   - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ The State Securities Commission  
                                  - Sở Giao dịch chứng khoán/ The Stock Exchange

1/ Họ và tên /Full name: **NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG/ NGUYEN THI QUYNH TRANG**

2/ Giới tính/Sex: **Nữ/ Female**

3/ Ngày tháng năm sinh/Date of birth:

4/ Nơi sinh/Place of birth: **Thái Nguyên/ Thai Nguyen province**

5/ Số CCCD (hoặc số hộ chiếu)/ ID card No. (or Passport No.):

Ngày cấp/Date of issue:

Nơi cấp/Place of issue:

6/ Quốc tịch/Nationality: **Việt Nam/ Vietnam**

7/ Dân tộc/Ethnic: **Kinh/ Kinh**

8/ Địa chỉ thường trú/Permanent residence:

9/ Số điện thoại/Telephone number:

10/ Địa chỉ email/Email: **trangntq@vinaconex.com.vn**

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Organisation's name subject to information disclosure rules: **Tổng công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (VINACONEX)/ Vietnam Construction and Import – Export Joint stock Corporation (VINACONEX)**

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Current position in an organization subject to information disclosure: **Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính/ Deputy General Director and Chief Financial Officer**

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/Positions in other companies:

- **Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện miền Bắc 2 (NEDI2)/ Member of the Board of Supervisors of Northern Power Development and Investment Joint Stock Company 2 (NEDI2)**
- **Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP VIWACO/ Head of the Board of Supervisors of VIWACO Joint Stock Company**
- **Trưởng BKS Công ty CP Bách Thiên Lộc/ Head of the Board of Supervisors of Bach Thien Loc Joint Stock Company**
- **Chủ tịch Công ty TNHH MTV Vinaconex Capital One/ Chairman of Vinaconex Capital One LLC**
- **Thành viên HĐQT Công ty CP Xi măng Cẩm Phả/ Member of Board of Directors of Cam Pha Cement Joint Stock Company**

14/ Số CP nắm giữ: **0** chiếm **0%** vốn điều lệ, trong đó/ Number of owning shares 0, accounting for 0% of charter capital, of which:

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu/Owning on behalf of (the State/strategic investor/other organisation): **0**

+ Cá nhân sở hữu/ Owning by Individual: **0**

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/Other owning commitments (if any): **Không/ No**

16/ Danh sách người có liên quan của người khai\* /List of affiliated persons of declarant:

\* Bao gồm tất cả người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019 – ***gồm cả trường hợp có sở hữu cổ phiếu và không có sở hữu cổ phiếu.***

Affiliated persons are stipulated in Article 4, clause 46 of the Law on Securities dated 26<sup>th</sup> Nov 2019.

| Stt No. | Mã CK Securities symbol | Họ tên Name            | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading accounts (if available) | Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available) | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relations hip with the company/ internal person | Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) Type of documents (ID/Passport/ Business Registrati on Certificate) | Số Giấy NSH (*)/ NSH No. | Ngày cấp Date of issue | Nơi cấp Place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address / Head office address | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu u cuối kỳ Percentage of shares owned at the end of the period | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time the person became an affiliated person/ internal person | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time the person ceased to be an affiliated person/ internal person | Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (when arising changes related to sections of 13 and 14) | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) Notes (i.e. not in possession of a NSH No. and other notes) |
|---------|-------------------------|------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------------|------------------------|---------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1       | 2                       | 3                      | 4                                                                                   | 5                                                                   | 6                                                                                         | 7                                                                                                                      | 8                        | 9                      | 10                     | 11                                                                  | 12                                                                         | 13                                                                                  | 14                                                                                                                             | 15                                                                                                                                     | 16                                                                                                                        | 17                                                                                                                     |
|         |                         |                        |                                                                                     |                                                                     |                                                                                           |                                                                                                                        |                          |                        |                        |                                                                     |                                                                            |                                                                                     |                                                                                                                                |                                                                                                                                        |                                                                                                                           |                                                                                                                        |
| 1       | VCG                     | Nguyễn Thị Quỳnh Trang |                                                                                     | PTG, GD Tài chính                                                   |                                                                                           |                                                                                                                        |                          |                        |                        |                                                                     | 0                                                                          | 0%                                                                                  | 24/11/2020                                                                                                                     |                                                                                                                                        |                                                                                                                           |                                                                                                                        |
| 1.01    | VCG                     | Nguyễn Đăng Bình       |                                                                                     |                                                                     | Cha/ Father                                                                               |                                                                                                                        |                          |                        |                        |                                                                     | 0                                                                          | 0%                                                                                  |                                                                                                                                |                                                                                                                                        |                                                                                                                           |                                                                                                                        |
| 1.02    | VCG                     | Trần Bích Nết          |                                                                                     |                                                                     | Me/ Mother                                                                                |                                                                                                                        |                          |                        |                        |                                                                     | 0                                                                          | 0%                                                                                  |                                                                                                                                |                                                                                                                                        |                                                                                                                           |                                                                                                                        |
| 1.03    | VCG                     | Đặng Minh Đức          |                                                                                     |                                                                     | Chồng/ Spouse                                                                             |                                                                                                                        |                          |                        |                        |                                                                     | 0                                                                          | 0%                                                                                  |                                                                                                                                |                                                                                                                                        |                                                                                                                           |                                                                                                                        |
| 1.04    | VCG                     | Đặng Minh Anh          |                                                                                     |                                                                     | Con/ Child                                                                                |                                                                                                                        |                          |                        |                        |                                                                     | 0                                                                          | 0%                                                                                  |                                                                                                                                |                                                                                                                                        |                                                                                                                           |                                                                                                                        |
| 1.05    | VCG                     | Đặng Minh Quang        |                                                                                     |                                                                     | Con/ Child                                                                                |                                                                                                                        |                          |                        |                        |                                                                     | 0                                                                          | 0%                                                                                  |                                                                                                                                |                                                                                                                                        |                                                                                                                           | Chưa có                                                                                                                |
| 1.06    | VCG                     | Nguyễn Hồng Liên       |                                                                                     |                                                                     | Chị ruột/ Sibling                                                                         |                                                                                                                        |                          |                        |                        |                                                                     | 0                                                                          | 0%                                                                                  |                                                                                                                                |                                                                                                                                        |                                                                                                                           |                                                                                                                        |

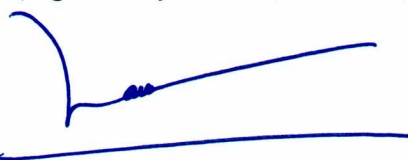
17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/Related interest with public company, public fund (if any): **Không/No**

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ Interest in conflict with public company, public fund (if any): **Không/No**

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật/*I hereby certify that the information provided in this cv is true and correct and I will bear the full responsibility to the law.*

**NGƯỜI KHAI /  
DECLARANT**

*(Ký, ghi rõ họ tên)  
(Signature, full name)*

A handwritten signature in blue ink, consisting of a stylized 'N' followed by a horizontal line and a small flourish.

**Nguyễn Thị Quỳnh Trang**